**TRƯỜNG TH HÀ HUY TẬP**

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ TIẾT DẠY Ở CẤP TIỂU HỌC**

*(Theo hướng PTNL,PC người học)*

Họ, tên người dạy: **LÊ THỊ THANH**

Môn dạy: Mĩ thuật (tiết dạy theo TKB 01, ngày dạy: 4/3/2022

 Tên bài dạy: **Chủ Đề 6: NHỮNG NGƯỜI BẠN**

 **Bài: CHÂN DUNG BIỂU CẢM**

Lớp: 1A Trường Tiểu học Hà Huy Tập

Họ tên người dự giờ: Lê Thị Cửu Chức vụ: PHT

#  PHẦN 1: GHI CHÉP NHẬN XÉT TIẾN TRÌNH CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Diễn biến nội dung bài học, hoạt động của giáo viên**  | **Hoạt động của học sinh**  | **Nhận xét từng hoạt động**  |
| 1. **Khởi động**

**1. Khởi động:** * GV tổ chức cho Hs chơi trò chơi,
* GV cùng HS nhận xét, đánh giá, tuyên dương.
* Giới thiệu chủ đề vào bài học mới.
1. **Hoat đ̣ông 1:**

 **Hinh thành kiến thức mới** **2.1. Khám phá tim hìểu về nôi dung̣** \* Giới thiệu một số tranh, ảnh chân dung biểu hiện cảm xúc trên khuôn mặt * GV cho HS quan sát và nhận xét một số hình khuôn mặt với nhiều trạng thái biểu cảm khác nhau.
* Tổ chức trò chơi làm mẫu, các em HS trong nhóm thay phiên nhau làm mẫu trước, thể hiện các biểu hiện cảm xúc khác nhau trên khuôn mặt .

+ Em thấy tạo hình của các bộ phận trên khuôn mặt của từng trạng thái biểu cảm ở trên thay đổi như thế nào? (hình miệng cười, hình chân mày khi tức giận, mắt….) + Em sẽ vẽ chân dung bạn em đang vui, buồn hay tức giận? * Giới thiệu giúp HS nhận biết rõ hơn các biểu hiện cảm xúc trên khuôn mặt.

**2.2. Khám phá cách thực hiện** * Hướng dẫn HS vẽ biểu cảm chân dung biểu cảm( chú ý tạo hình của từng bộ phận trên khuôn mặt của từng trạng thái biểu cảm)
* HS liên hệ với hình và màu sắc cơ bản đã học
* Gợi ý các bước thực hiện (nhắc lại tiết 1)

 + Vẽ hình khuôn mặt bằng các hình cơ bản như tròn, xoan, vuông…(lưu ý vẽ hình chân dung cân đối với khổ giấy) + Xác định và vẽ các bộ phận mắt,mũi, miệng…trên khuôn mặt. + Vẽ hình ảnh phụ, vẽ màu. **3. Hoạt động 2:** **Luyện tập - Thực hành** - Yêu cầu Hs: Em hãy vẽ chân dung biểu cảm của em hoặc của bạn mà em yêu quý. - GV kịp thời quan sát sản phẩm của học sinh để động viên, khuyến khích các em sáng tạo. **4. Hoạt động 3: Trưng bày sản phẩm, chia sẻ** * GV tổ chức cho HS giới thiệu, trình bày sản phẩm trước lớp.
* Tổ chức cho các em nhận xét, đánh giá sản phẩm của nhóm mình và nhóm bạn.

 **5**. **Hoạt động 4: Vận dụng - Trải nghiệm** Khuyến khích học sinh về làm các sản phẩm chân dung biểu cảm sáng tạo **Tổng kết:**Nhận xét Dặn dò |  |  |
|  |
|  |

 **Nhận xét chung về tiết dạy:**

  **\* Ưu điểm:**

 **\* Hạn chế:**

 Người dạy Người dự

 **Lê Thị Thanh**   **Lê Thị Cửu**

 PHẦN 2. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CHO ĐIỂM

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Các lĩnh vực**  |  | **Tiêu chí**  | **Điểm tối đa**  | **Điểm đánh giá**  |
| **Kiến thức** **(3 điểm)**  | 1  | Xác định được vị trí, mục tiêu, chuẩn kiến thức và kĩ năng, nội dung cơ bản trọng tâm của bài dạy.  | 1.5  |  |
| 2  | Đảm bảo chính xác, hệ thống, toàn diện (về kiến thức, kĩ năng; năng lực; phẩm chất).  | 1.5  |  |
| **Hoạt động của giáo viên** **(8 điểm)**  | 3  | Dạy học đúng đặc trưng bộ môn, đúng loại bài (lí thuyết, luyện tập, thực hành, ôn tập...)  | 1  |  |
| 4  | Vận dung phương pháp và hình thức tổ chức dạy học phù hợp với các đối tượng theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh.  | 2  |  |
| 5  | Kiểm tra, nhận xét và đánh giá kết quả học tập của học sinh theo đúng Thông tư 27  | 2  |  |
| 6  | Sử dụng hợp lý, hiệu quả các phương tiện, thiết bị dạy học; tác phong sư phạm chuẩn mực, lời nói mạch lạc, truyền cảm; chữ viết đúng, đẹp, trình bày bảng hợp lí.  | 1  |  |
| 7  | Khai thác nội dung dạy học, liên hệ, cập nhật những vấn đề xã hội, nhân văn gắn với thực tế nhằm phát triển năng lực học tập của học sinh.  | 1  |  |
| 8  | Xử lí tốt tình huống sư phạm, phân bố thời gian hợp lý, kịp thời giúp đỡ học sinh có khó khăn trong học tập, học sinh khuyết tật (nếu có).  | 1  |  |
| **Hoạt động của học sinh** **(5 điểm)**  | 9  | Chuẩn bị sách, vở, đồ dùng học tập đầy đủ và sử dụng hiệu quả; biết làm việc theo lệnh, động hình của giáo viên. | 1  |  |
| 10  | Mạnh dạn, tự tin khi hợp tác với bạn và giao tiếp trước lớp.  | 1  |  |
| 11  | Biết đánh giá kết quả học tập của mình và của bạn.  | 1  |  |
| 12  | Biết lắng nghe, tìm kiếm sự trợ giúp của thầy cô, bạn bè để hoàn thành nhiệm vụ. | 1  |  |
| 13  | Tích cực, chủ động tiếp thu bài học; làm việc theo nhóm hiệu quả.  | 1  |  |
| **Hiệu quả** **(4 điểm)**  | 14  | Hầu hết học sinh nắm được kiến thức, kĩ năng cơ bản của bài học và năng lực, phẩm chất được hình thành và phát triển.  | 2  |  |
| 15  | Biết vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết các tình huống khác (nâng cao)  | 1  |  |
| 16  | Hoạt động dạy - học diễn ra tự nhiên, nhẹ nhàng và hiệu quả  | 1  |  |
|  | **Cộng**  | **20**  |  |

Xếp loại tiết dạy:

Loại **Tốt**: 18 → 20 (không có tiêu chí nào dưới 1/2 điểm tối đa);

Loại **Khá**: 14 → dưới 18 (các tiêu chí 1; 2; 4 ; 5; 14 đạt từ 1/2 điểm tối đa trở lên, các tiêu chí còn lại không bị điểm 0);

Loại **Trung bình**: 10 → dưới 14 (các tiêu chí không bị điểm 0);

 Loại **Chưa đạt**: dưới 10 (hoặc một trong các tiêu chí 1; 2; 4 ; 5; 14 bị điểm 0).

*Lưu ý : - Điểm về hiệu quả tiết dạy (tiêu chí 14) có thể thay bằng kết quả khảo sát sau tiết dạy Đạt yêu cầu từ 90% trở lên (2 điểm ); Đạt yêu cầu từ 70% trở lên (1,5 điểm ). Đạt yêu cầu từ 50% trở lên (1 điểm ); Đạt yêu cầu dưới 50% (0 điểm).*

 *- Khi chấm điểm cần căn cứ vào đặc thù của từng bộ môn và từng bài dạy cụ thể để cho điểm các tiêu chí một cách linh hoạt, tránh máy móc, cứng nhắc. Một lĩnh vực vẫn có thể đạt điểm tối đa mặc dù có tiêu chí trong lĩnh vực đó không cho điểm, khi đó cần giải thích rõ và phần điểm của tiêu chí này được cộng thêm vào tiêu chí mà giáo viên đạt xuất sắc trong cùng lĩnh vực.*

 TRƯỜNG TH HÀ HUY TẬP

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ TIẾT DẠY Ở CẤP TIỂU HỌC**

*(Theo hướng PTNL,PC người học)*

Họ, tên người dạy: NGUYỄN THỊ LÝ

Môn dạy: Luyện từ và câu Ngày dạy: 3/3/2022 Dạy trực tiếp Tuần 24

 **Bài dạy: VỊ NGỮ TRONG CÂU KỂ AI LÀ GÌ?**

Lớp: 4A Trường Tiểu học Hà Huy Tập

Họ tên người dự giờ: Lê Thị Cửu Chức vụ: PHT

#  PHẦN 1: GHI CHÉP NHẬN XÉT TIẾN TRÌNH CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Diễn biến nội dung bài học, hoạt động của giáo viên**  | **Hoạt động của học sinh**  | **Nhận xét từng hoạt động**  |
| **1.Khởi động** .**Nghe hát***+ Đặt một câu kể Ai là gì?**Dẫn dắt vào bài mới.*1. Khám phá: Hình thành kiến thức mới.

***a. Phần nhận xét:*** * YC HS đọc đoạn văn ở BT1, xác định xem *đoạn văn có mấy câu?*

*+ Câu nào có dạng* ***Ai là gì?*** *+ Xác định VN trong câu vừa tìm được + VN được tạo thành bởi những từ ngữ nào?* *+ VN nối với CN bởi từ gì?** GV chốt đáp án, chốt lại KT về vị ngữ trong câu kể Ai là gì?

**b. *Ghi nhớ:*** - Gọi HS đọc ghi nhớ.1. Thực hành

BT HS thảo luận*VN trong các câu trên do những từ ngữ nào tạo thành?* *\* GD BVMT: Em có cảm nhận gì về vẻ đẹp của quê hương qua đoạn thơ của nhà thơ Đỗ Trung Quân?* * ***GV: Quê hương trong tâm tưởng của mỗi người đều đẹp. Cần luôn biết trân trọng và giữ gìn những vẻ đẹp ấy***

**Bài tập 2:** * Tổ chức chữa bài bằng hình thức thi tiếp sức giữa hai nhóm (mỗi nhóm 4 học sinh)
* GV nhận xét và chốt lại lời giải đúng.

*+ Tại sao gọi sư tử là chúa sơn lâm?* **Bài tập 3:** * BT 3 đã cho trước các từ ngữ là VN của câu kể ***Ai là gì?*** Các em cần tìm các từ ngữ thích hợp làm CN trong câu. Muốn vậy, các em phải đặt câu hỏi nào? ***Ai? Cái gì?*** ở trước VN để tìm chủ ngữ của câu.
1. Vận dụng – trải nghiệm
2. Tổng kết
 |  |  |
|   |
|   |

 **Nhận xét chung về tiết dạy:**

  **\* Ưu điểm:**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

**\*Hạn chế:**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

 Người dạy Người dự

 **Nguyễn Thị Lý Lê Thị Cửu**

 PHẦN 2. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CHO ĐIỂM

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Các lĩnh vực**  |  | **Tiêu chí**  | **Điểm tối đa**  | **Điểm đánh giá**  |
| **Kiến thức** **(3 điểm)**  | 1  | Xác định được vị trí, mục tiêu, chuẩn kiến thức và kĩ năng, nội dung cơ bản trọng tâm của bài dạy.  | 1.5  |  |
| 2  | Đảm bảo chính xác, hệ thống, toàn diện (về kiến thức, kĩ năng; năng lực; phẩm chất).  | 1.5  |  |
| **Hoạt động của giáo viên** **(8 điểm)**  | 3  | Dạy học đúng đặc trưng bộ môn, đúng loại bài (lí thuyết, luyện tập, thực hành, ôn tập...)  | 1  |  |
| 4  | Vận dung phương pháp và hình thức tổ chức dạy học phù hợp với các đối tượng theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh.  | 2  |  |
| 5  | Kiểm tra, nhận xét và đánh giá kết quả học tập của học sinh theo đúng Thông tư 27  | 2  |  |
| 6  | Sử dụng hợp lý, hiệu quả các phương tiện, thiết bị dạy học; tác phong sư phạm chuẩn mực, lời nói mạch lạc, truyền cảm; chữ viết đúng, đẹp, trình bày bảng hợp lí.  | 1  |  |
| 7  | Khai thác nội dung dạy học, liên hệ, cập nhật những vấn đề xã hội, nhân văn gắn với thực tế nhằm phát triển năng lực học tập của học sinh.  | 1  |  |
| 8  | Xử lí tốt tình huống sư phạm, phân bố thời gian hợp lý, kịp thời giúp đỡ học sinh có khó khăn trong học tập, học sinh khuyết tật (nếu có).  | 1  |  |
| **Hoạt động của học sinh** **(5 điểm)**  | 9  | Chuẩn bị sách, vở, đồ dùng học tập đầy đủ và sử dụng hiệu quả; biết làm việc theo lệnh, động hình của giáo viên. | 1  |  |
| 10  | Mạnh dạn, tự tin khi hợp tác với bạn và giao tiếp trước lớp.  | 1  |  |
| 11  | Biết đánh giá kết quả học tập của mình và của bạn.  | 1  |  |
| 12  | Biết lắng nghe, tìm kiếm sự trợ giúp của thầy cô, bạn bè để hoàn thành nhiệm vụ. | 1  |  |
| 13  | Tích cực, chủ động tiếp thu bài học; làm việc theo nhóm hiệu quả.  | 1  |  |
| **Hiệu quả** **(4 điểm)**  | 14  | Hầu hết học sinh nắm được kiến thức, kĩ năng cơ bản của bài học và năng lực, phẩm chất được hình thành và phát triển.  | 2  |  |
| 15  | Biết vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết các tình huống khác (nâng cao)  | 1  |  |
| 16  | Hoạt động dạy - học diễn ra tự nhiên, nhẹ nhàng và hiệu quả  | 1  |  |
|  | **Cộng**  | **20**  |  |

Xếp loại tiết dạy:

Loại **Tốt**: 18 → 20 (không có tiêu chí nào dưới 1/2 điểm tối đa);

Loại **Khá**: 14 → dưới 18 (các tiêu chí 1; 2; 4 ; 5; 14 đạt từ 1/2 điểm tối đa trở lên, các tiêu chí còn lại không bị điểm 0);

Loại **Trung bình**: 10 → dưới 14 (các tiêu chí không bị điểm 0);

 Loại **Chưa đạt**: dưới 10 (hoặc một trong các tiêu chí 1; 2; 4 ; 5; 14 bị điểm 0).

*Lưu ý : - Điểm về hiệu quả tiết dạy (tiêu chí 14) có thể thay bằng kết quả khảo sát sau tiết dạy Đạt yêu cầu từ 90% trở lên (2 điểm ); Đạt yêu cầu từ 70% trở lên (1,5 điểm ). Đạt yêu cầu từ 50% trở lên (1 điểm ); Đạt yêu cầu dưới 50% (0 điểm).*

 *- Khi chấm điểm cần căn cứ vào đặc thù của từng bộ môn và từng bài dạy cụ thể để cho điểm các tiêu chí một cách linh hoạt, tránh máy móc, cứng nhắc. Một lĩnh vực vẫn có thể đạt điểm tối đa mặc dù có tiêu chí trong lĩnh vực đó không cho điểm, khi đó cần giải thích rõ và phần điểm của tiêu chí này được cộng thêm vào tiêu chí mà giáo viên đạt xuất sắc trong cùng lĩnh vực.*

 **TRƯỜNG TH HÀ HUY TẬP**

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ TIẾT DẠY Ở CẤP TIỂU HỌC**

*(Theo hướng PTNL,PC người học)*

Họ, tên người dạy: Nguyễn Thị Lý

Môn dạy: Địa lí Ngày dạy: 3/3/2022

Bài dạy: **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Lớp: 1A Trường Tiểu học Hà Huy Tập

Họ tên người dự giờ: Lê Thị Cửu Chức vụ: PHT

# PHẦN 1: GHI CHÉP NHẬN XÉT TIẾN TRÌNH CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Diễn biến nội dung bài học, hoạt động của giáo viên**  | **Hoạt động của học sinh**  | **Nhận xét từng hoạt động**  |
| 1. **Khởi động**

*+ Kể tên các sản phẩm công nghiệp của ĐB NB?* *+ Mô tả chợ nổi trên sông ở ĐB Nam Bộ?***Hoat đ̣ông 1:** - GV nhận xét chung, giới thiệu bài mới **2. Hình thành kiến thức Thành phố lớn nhất cả nước** * GV yêu cầu HS chỉ vị trí thành phố HCM trên BĐ VN
* Dựa vào tranh, ảnh, SGK, bản đồ. Hãy nói về thành phố HCM :

*+ Thành phố nằm trên sông nào ?* *+ Thành phố đã có bao nhiêu tuổi ?* *+ Thành phố được mang tên Bác vào năm nào ?* *+ Thành phố HCM tiếp giáp với những tỉnh nào ?* *+ Từ TP có thể đi đến tỉnh khác bằng những loại đường giao thông nào?* *+ Dựa vào bảng số liệu hãy so sánh về diện tích và số dân của TP HCM với các TP khác.***Hoạt động 2: Trung tâm kinh tế, văn hóa, khoa học lớn:** * Cho HS dựa vào tranh, ảnh, BĐ và vốn hiểu biết, thảo luận và trả lời các câu hỏi sau:

*+ Kể tên các ngành công nghiệp của thành phố HCM?**+ Nêu những dẫn chứng thể hiện TP là trung tâm kinh tế lớn của cả nước.* *+ Nêu dẫn chứng thể hiện TP là trung tâm văn hóa, khoa học lớn?*  *+ Kể tên một số trường Đại học, khu vui chơi giải trí lớn ở TP HCM?* ***GV nhận xét và kết luận:*** **3.Hoạt động vận dụng- Trải nghiệm*****GD SDNLTK&HQ:*** Các ngành CN ở thành phố Hồ Chí Minh cũng như các ngành CN trên cả nước cần sử dụng tiết kiệm và hiệu quả năng lượng dể tạo ra sản phẩm có giá thành tốt, có tính cạnh tranh cao. ***\* Nêu tình huông BVMT******Tổng kết tiết học:***Liên hệNhận xét, dặn dò |     | HS lắng nghe        |

**Nhận xét chung về tiết dạy:**

  **\* Ưu điểm:**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

 **\* Hạn chế:** ………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

 **Người dạy Người dự**

 **Nguyễn Thị Lý Lê Thị Cửu**

 PHẦN 2. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CHO ĐIỂM

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Các lĩnh vực**  |  | **Tiêu chí**  | **Điểm tối đa**  | **Điểm đánh giá**  |
| **Kiến thức** **(3 điểm)**  | 1  | Xác định được vị trí, mục tiêu, chuẩn kiến thức và kĩ năng, nội dung cơ bản trọng tâm của bài dạy.  | 1.5  |  |
| 2  | Đảm bảo chính xác, hệ thống, toàn diện (về kiến thức, kĩ năng; năng lực; phẩm chất).  | 1.5  |  |
| **Hoạt động của giáo viên** **(8 điểm)**  | 3  | Dạy học đúng đặc trưng bộ môn, đúng loại bài (lí thuyết, luyện tập, thực hành, ôn tập...)  | 1  |  |
| 4  | Vận dung phương pháp và hình thức tổ chức dạy học phù hợp với các đối tượng theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh.  | 2  |  |
| 5  | Kiểm tra, nhận xét và đánh giá kết quả học tập của học sinh theo đúng Thông tư 27  | 2  |  |
| 6  | Sử dụng hợp lý, hiệu quả các phương tiện, thiết bị dạy học; tác phong sư phạm chuẩn mực, lời nói mạch lạc, truyền cảm; chữ viết đúng, đẹp, trình bày bảng hợp lí.  | 1  |  |
| 7  | Khai thác nội dung dạy học, liên hệ, cập nhật những vấn đề xã hội, nhân văn gắn với thực tế nhằm phát triển năng lực học tập của học sinh.  | 1  |  |
| 8  | Xử lí tốt tình huống sư phạm, phân bố thời gian hợp lý, kịp thời giúp đỡ học sinh có khó khăn trong học tập, học sinh khuyết tật (nếu có).  | 1  |  |
| **Hoạt động của học sinh** **(5 điểm)**  | 9  | Chuẩn bị sách, vở, đồ dùng học tập đầy đủ và sử dụng hiệu quả; biết làm việc theo lệnh, động hình của giáo viên. | 1  |  |
| 10  | Mạnh dạn, tự tin khi hợp tác với bạn và giao tiếp trước lớp.  | 1  |  |
| 11  | Biết đánh giá kết quả học tập của mình và của bạn.  | 1  |  |
| 12  | Biết lắng nghe, tìm kiếm sự trợ giúp của thầy cô, bạn bè để hoàn thành nhiệm vụ. | 1  |  |
| 13  | Tích cực, chủ động tiếp thu bài học; làm việc theo nhóm hiệu quả.  | 1  |  |
| **Hiệu quả** **(4 điểm)**  | 14  | Hầu hết học sinh nắm được kiến thức, kĩ năng cơ bản của bài học và năng lực, phẩm chất được hình thành và phát triển.  | 2  |  |
| 15  | Biết vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết các tình huống khác (nâng cao)  | 1  |  |
| 16  | Hoạt động dạy - học diễn ra tự nhiên, nhẹ nhàng và hiệu quả  | 1  |  |
|  | **Cộng**  | **20**  |  |

Xếp loại tiết dạy:

Loại **Tốt**: 18 → 20 (không có tiêu chí nào dưới 1/2 điểm tối đa);

Loại **Khá**: 14 → dưới 18 (các tiêu chí 1; 2; 4 ; 5; 14 đạt từ 1/2 điểm tối đa trở lên, các tiêu chí còn lại không bị điểm 0);

Loại **Trung bình**: 10 → dưới 14 (các tiêu chí không bị điểm 0);

 Loại **Chưa đạt**: dưới 10 (hoặc một trong các tiêu chí 1; 2; 4 ; 5; 14 bị điểm 0).

*Lưu ý : - Điểm về hiệu quả tiết dạy (tiêu chí 14) có thể thay bằng kết quả khảo sát sau tiết dạy Đạt yêu cầu từ 90% trở lên (2 điểm ); Đạt yêu cầu từ 70% trở lên (1,5 điểm ). Đạt yêu cầu từ 50% trở lên (1 điểm ); Đạt yêu cầu dưới 50% (0 điểm).*

 *- Khi chấm điểm cần căn cứ vào đặc thù của từng bộ môn và từng bài dạy cụ thể để cho điểm các tiêu chí một cách linh hoạt, tránh máy móc, cứng nhắc. Một lĩnh vực vẫn có thể đạt điểm tối đa mặc dù có tiêu chí trong lĩnh vực đó không cho điểm, khi đó cần giải thích rõ và phần điểm của tiêu chí này được cộng thêm vào tiêu chí mà giáo viên đạt xuất sắc trong cùng lĩnh vực.*

**TRƯỜNG TH HÀ HUY TẬP**

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ TIẾT DẠY Ở CẤP TIỂU HỌC**

*(Theo hướng PTNL,PC người học)*

Họ, tên người dạy: TRẦN THỊ QUÝ MỸ

Môn dạy: Tiếng Anh (tiết dạy theo TKB 01, ngày dạy: 26/02/2022

**Unit 15: WHAT WOULD YOU LIKE TO BE IN THE FUTURE?**

***Lesson 1: Part 1-2-3***

 Trường Tiểu học Hà Huy Tập

Họ tên người dự giờ: Lê Thị Cửu Chức vụ: PHT

# PHẦN 1: GHI CHÉP NHẬN XÉT TIẾN TRÌNH CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Diễn biến nội dung bài học, hoạt động của giáo viên**  | **Hoạt động của học sinh**  | **Nhận xét từng hoạt động**  |
| *Warm up:* ***1. Look, listen and repeat.*** - Introduce the dialogue.- Play the recording - Check and corect.- Elicits the structure***2. Point and say***- Teach vocabulary: *- Teach the future simlpe forms of verb.* - Model sentence.- Monitor the activity and offer help, if necessary.- Check and correct.***3. Let’s Talk***- Give tasks.- Monitor the activity and offer help, if necessary.- Correct theirpronunciation and mistake.***4.Consolidation***Summary the lesson***5.Homework*** |  |  |

 **Nhận xét chung về tiết dạy:**

  **\* Ưu điểm:**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**\*Hạn chế**:

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………Người dạy Người dự

**Trần Thị Quý Mỹ Lê Thị Cửu**

PHẦN 2. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CHO ĐIỂM

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Các lĩnh vực**  |  | **Tiêu chí**  | **Điểm tối đa**  | **Điểm đánh giá**  |
| **Kiến thức** **(3 điểm)**  | 1  | Xác định được vị trí, mục tiêu, chuẩn kiến thức và kĩ năng, nội dung cơ bản trọng tâm của bài dạy.  | 1.5  |  |
| 2  | Đảm bảo chính xác, hệ thống, toàn diện (về kiến thức, kĩ năng; năng lực; phẩm chất).  | 1.5  |  |
| **Hoạt động của giáo viên** **(8 điểm)**  | 3  | Dạy học đúng đặc trưng bộ môn, đúng loại bài (lí thuyết, luyện tập, thực hành, ôn tập...)  | 1  |  |
| 4  | Vận dung phương pháp và hình thức tổ chức dạy học phù hợp với các đối tượng theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh.  | 2  |  |
| 5  | Kiểm tra, nhận xét và đánh giá kết quả học tập của học sinh theo đúng Thông tư 27  | 2  |  |
| 6  | Sử dụng hợp lý, hiệu quả các phương tiện, thiết bị dạy học; tác phong sư phạm chuẩn mực, lời nói mạch lạc, truyền cảm; chữ viết đúng, đẹp, trình bày bảng hợp lí.  | 1  |  |
| 7  | Khai thác nội dung dạy học, liên hệ, cập nhật những vấn đề xã hội, nhân văn gắn với thực tế nhằm phát triển năng lực học tập của học sinh.  | 1  |  |
| 8  | Xử lí tốt tình huống sư phạm, phân bố thời gian hợp lý, kịp thời giúp đỡ học sinh có khó khăn trong học tập, học sinh khuyết tật (nếu có).  | 1  |  |
| **Hoạt động của học sinh** **(5 điểm)**  | 9  | Chuẩn bị sách, vở, đồ dùng học tập đầy đủ và sử dụng hiệu quả; biết làm việc theo lệnh, động hình của giáo viên. | 1  |  |
| 10  | Mạnh dạn, tự tin khi hợp tác với bạn và giao tiếp trước lớp.  | 1  |  |
| 11  | Biết đánh giá kết quả học tập của mình và của bạn.  | 1  |  |
| 12  | Biết lắng nghe, tìm kiếm sự trợ giúp của thầy cô, bạn bè để hoàn thành nhiệm vụ. | 1  |  |
| 13  | Tích cực, chủ động tiếp thu bài học; làm việc theo nhóm hiệu quả.  | 1  |  |
| **Hiệu quả** **(4 điểm)**  | 14  | Hầu hết học sinh nắm được kiến thức, kĩ năng cơ bản của bài học và năng lực, phẩm chất được hình thành và phát triển.  | 2  |  |
| 15  | Biết vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết các tình huống khác (nâng cao)  | 1  |  |
| 16  | Hoạt động dạy - học diễn ra tự nhiên, nhẹ nhàng và hiệu quả  | 1  |  |
|  | **Cộng**  | **20**  |  |

Xếp loại tiết dạy:

Loại **Tốt**: 18 → 20 (không có tiêu chí nào dưới 1/2 điểm tối đa);

Loại **Khá**: 14 → dưới 18 (các tiêu chí 1; 2; 4 ; 5; 14 đạt từ 1/2 điểm tối đa trở lên, các tiêu chí còn lại không bị điểm 0);

Loại **Trung bình**: 10 → dưới 14 (các tiêu chí không bị điểm 0);

 Loại **Chưa đạt**: dưới 10 (hoặc một trong các tiêu chí 1; 2; 4 ; 5; 14 bị điểm 0).

*Lưu ý : - Điểm về hiệu quả tiết dạy (tiêu chí 14) có thể thay bằng kết quả khảo sát sau tiết dạy Đạt yêu cầu từ 90% trở lên (2 điểm ); Đạt yêu cầu từ 70% trở lên (1,5 điểm ). Đạt yêu cầu từ 50% trở lên (1 điểm ); Đạt yêu cầu dưới 50% (0 điểm).*

 *- Khi chấm điểm cần căn cứ vào đặc thù của từng bộ môn và từng bài dạy cụ thể để cho điểm các tiêu chí một cách linh hoạt, tránh máy móc, cứng nhắc. Một lĩnh vực vẫn có thể đạt điểm tối đa mặc dù có tiêu chí trong lĩnh vực đó không cho điểm, khi đó cần giải thích rõ và phần điểm của tiêu chí này được cộng thêm vào tiêu chí mà giáo viên đạt xuất sắc trong cùng lĩnh vực.*